ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NHỊ CHIỂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 375/QĐ-UBND	*Nhị Chiểu, ngày 23 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ tài liệu thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NHỊ CHIỂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường về việc chuẩn hoá các tài liệu thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 năm 2025;

Căn cứ các Quyết định công bố, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành trong năm 2026, gồm: Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 13/01/2026; Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 15/01/2026; Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 19/01/2026; Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 29/01/2026; Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 31/01/2026; Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026; Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 07/02/2026 và ngày 27/02/2026; Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 12/02/2026; Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 14/02/2026; Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các tài liệu, quy trình thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của Ủy ban nhân dân phường Nhị Chiểu, cụ thể theo các Danh mục kèm theo Quyết định này, gồm:

- Phụ lục I: Danh mục tài liệu, quy trình ban hành mới do ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành (13 quy trình); Ban hành mới quy trình do có sự thay đổi người soạn thảo thuộc Văn phòng HĐND&UBND (45 quy trình).

- Phụ lục II: Danh mục tài liệu, quy trình sửa đổi (65 quy trình);

- Phụ lục III: Danh mục tài liệu, quy trình hủy bỏ (4 quy trình).

- Phụ lục IV: Danh mục tài liệu được hệ thống hoá quý I (380 quy trình).

Các tài liệu, quy trình còn lại trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Nhị Chiểu không có sự thay đổi, tiếp tục có hiệu lực áp dụng, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Các phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm nghiên cứu, cập nhật và tổ chức thực hiện theo đúng nội dung tài liệu, quy trình đã được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung tại Điều 1; dừng áp dụng và thu hồi (nếu có bản in) đối với các tài liệu, quy trình thuộc Danh mục hủy bỏ, bảo đảm đưa hệ thống tài liệu theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào áp dụng thống nhất trong các hoạt động chuyên môn thực tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các tài liệu, quy trình ban hành mới, sửa đổi, hủy bỏ nêu tại Điều 1 thay thế hoặc bãi bỏ nội dung tương ứng tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Nhị Chiểu; các nội dung khác của Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT Đảng uỷ, TT HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG NHỊ CHIỂU T.P HỒ CHÍ MINH

Lãnh Duy Tiến

Phụ lục I

DANH MỤC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH BAN HÀNH MỚI
thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
A. PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ			
THỦY LỢI			
1	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	QT.TL.09	Mới ban hành theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 Mã TTHC 2.001627
2	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.10	Mới ban hành theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 Mã TTHC 1.014849
3	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.11	Mới ban hành theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 Mã TTHC 1.014850
4	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.12	Mới ban hành theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 Mã TTHC 1.014851
5	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.13	Mới ban hành theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 Mã TTHC 1.014852
6	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo	QT.TL.14	Mới ban hành theo Quyết định

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
	vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã		số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 Mã TTHC 1.014853
7	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.15	Mới ban hành theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 Mã TTHC 1.014859
8	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.16	Mới ban hành theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 Mã TTHC 1.014860
9	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.17	Mới ban hành theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 Mã TTHC 1.014862
10	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.18	Mới ban hành theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 Mã TTHC 1.014863
11	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.19	Mới ban hành theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 Mã TTHC 1.014864
12	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép	QT.TL.20	Mới ban hành theo Quyết định số 684/QĐ-

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
	đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã		UBND ngày 24/02/2026 Mã TTHC-1.014854
B. PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI			
LĨNH VỰC ĐÀO TẠO NGHỀ			
13	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	QT.ĐTN.01	Mới ban hành Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 13/1/2026
C. VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN & ỦY BAN NHÂN DÂN (ban hành lại do thay đổi người soạn thảo)			
I	**PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT; HÒA GIẢI CƠ SỞ**		
1.	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT.PBPL.01	
2.	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	QT.PBPL.02	
3.	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	QT.PBPL.03	
4.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	QT.PBPL.04	
5.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT.PBPL.05	
II	**BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC**		
1.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	QT.BTNN.01	
III	**LĨNH VỰC CHỨNG THỰC**		
1.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.CT.01	
2.	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	QT.CT.02	
3.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.CT.03	

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
4.	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT.CT.04	
5.	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.05	
6.	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sửa dụng đất, nhà ở	QT.CT.06	
7.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.CT.07	
8.	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.08	
9.	Thủ tục chứng thực di chúc	QT.CT.09	
10.	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT.CT.10	
11.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.CT.11	
12.	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	QT.CT.12	
13.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.CT.13	
V	**LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI**		
1.	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.NCN.01	

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
2.	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	QT.NCN.02	
3.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.03	
4.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.04	
5.	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT.NCN.05	
VI	**GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, XỬ LÝ ĐƠN THƯ; THANH TRA**		
1.	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	QT.KNTC.01	
2.	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	QT.KNTC.02	
3.	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	QT.PCTN.01	
4.	Thủ tục thực hiện việc giải trình	QT.PCTN.02	
5.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT.PCTN.03	
6.	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	QT.PCTN.04	
7.	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	QT.TCD.01	
8.	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	QT.XLĐT.01	

Phụ lục II

DANH MỤC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH SỬA ĐỔI
thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
A. PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ			
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG			
1	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.01	Sửa đổi theo Quyết định 669/QĐ-UBND ngày 14/2/2026
2	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.02	Sửa đổi theo Quyết định 669/QĐ-UBND ngày 14/2/2026
3	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.03	Sửa đổi theo Quyết định 669/QĐ-UBND ngày 14/2/2026
4	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.04	Sửa đổi theo Quyết định 669/QĐ-UBND ngày 14/2/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
5	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.05	Sửa đổi theo Quyết định 669/QĐ-UBND ngày 14/2/2026
6	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.06	Sửa đổi theo Quyết định 669/QĐ-UBND ngày 14/2/2026
LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC			
7	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHHTN.02	Sửa đổi theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 19/1/2026 giảm 50% thời gian
8	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHHTN.04	Sửa đổi theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 19/1/2026 giảm 50% thời gian
9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHHTN.05	Sửa đổi theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 19/1/2026 giảm 50% thời gian
10	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHHTN.07	Sửa đổi theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 19/1/2026 giảm 50% thời gian

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHHTN.08	Sửa đổi theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 19/1/2026 giảm 50% thời gian
12	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHHTN.09	Sửa đổi theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 19/1/2026 giảm 50% thời gian
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI; ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN			
13	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	QT.ĐCKS.01	Sửa đổi theo Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 12/2/2026
14	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp xã)	QT.ĐCKS.01	Sửa đổi theo Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 12/2/2026
LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI; SỰ CỐ TRÀN DẦU; THÚ Y; AN TOÀN ĐẬP VÀ HỒ CHỨA;			
15	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.ATHC.01	Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 (*)
TÀI NGUYÊN NƯỚC			
16	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT.TNN.01	Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 (*)
THỦY LỢI			
17	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.TL.02	Sửa đổi theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
18	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.TL.03	Sửa đổi theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
19	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.04	Sửa đổi theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
20	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	QT.TL.05	Sửa đổi theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
21	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.TL.06	Sửa đổi theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
22	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	QT.TL.07	Sửa đổi theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
23	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.08	Sửa đổi theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
THỦY SẢN			
24	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.TS.01	Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 15/01/2026
25	Công bố mở cảng cá loại III	QT.TS.02	Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 15/01/2026
26	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.TS.03	Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 15/01/2026
27	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi	QT.TS.04	QĐ số 541/QĐ-UBND ngày 07/02/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
	trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) (Mã TTHC 1.014801)		
B. PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI			
LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO, VĂN HÓA; DI SẢN VĂN HÓA			
28	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT.TDTT.01	Sửa đổi theo Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 31/1/2026
C. VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN & ỦY BAN NHÂN DÂN			
LĨNH VỰC HỘ TỊCH (sửa nội dung và ban hành lại do có dự thay đổi người soạn thảo)			
29	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT.01	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
30	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	QT.HT.02	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
31	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	QT.HT.03	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
32	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	QT.HT.04	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
33	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QT.HT.05	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
34	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT.06	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
35	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.HT.07	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
36	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.HT.08	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
37	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.HT.09	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
38	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.HT.10	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
39	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.HT.11	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
40	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.HT.12	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
41	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT.HT.13	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
42	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	QT.HT.14	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
43	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.HT.15	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
44	Đăng ký giám sát việc giám hộ	QT.HT.16	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
45	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT.17	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
46	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.HT.18	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
47	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.HT.19	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
48	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT.20	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
49	Thủ tục đăng ký khai tử	QT.HT.21	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
50	Đăng ký lại khai tử	QT.HT.22	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
51	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	QT.HT.23	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
52	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	QT.HT.24	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
53	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	QT.HT.25	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
54	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.HT.26	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
55	Thủ tục đăng ký kết hôn	QT.HT.27	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
56	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.HT.28	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
57	Thủ tục đăng ký khai sinh	QT.HT.29	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
58	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.HT.30	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
59	Thủ tục đăng ký giám hộ	QT.HT.31	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
60	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.HT.32	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
61	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.HT.33	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
62	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.HT.34	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
63	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	QT.HT.35	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026
64	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai tang phí, tử tuất	QT.HT.36	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
65	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.HT.37	Sửa đổi (giảm 50% thời gian giải quyết) theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026

(*) Ghi chú tại Danh mục gốc chỉ dẫn chiếu số quyết định công bố thủ tục hành chính liên quan, không nêu rõ hình thức thay đổi; đề nghị Phòng chuyên môn rà soát, xác nhận trước khi ban hành chính thức.

Phụ lục III

DANH MỤC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH HỦY BỎ

thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
A. PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ			
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG; BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC			
1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	QT.MT.01	Hủy bỏ theo Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 27/2/2026
THỦY LỢI			
2	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	QT.TL.01	Hủy bỏ theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026
B. PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI			
LĨNH VỰC VIỆC LÀM			
3	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động.	QT.VL.01	Hủy theo Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 13/1/2026
4	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.	QT.VL.02	Hủy theo Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 13/1/2026